

**MULTI-DIMENSIONAL POVERTY AMONG ETHNIC MINORITIES
IN DAM RONG DISTRICT, LAM DONG PROVINCE:
APPROACH FROM CULTURE, CUSTOMS AND HABITS
A NEW APPROACH TO SUSTAINABLE EDUCATION**

Nguyen Thi Bich Thu

Vietnam Academy for Ethnic Minorities (VAEM)

Ministry of Ethnic Minorities and Religions

Email: Thutvcs@gmail.com

Article History

Received: 06/9/2025

Reviewed: 29/9/2025

Revised: 04/10/2025

Accepted: 22/11/2025

Published: 30/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.e2025.v1.i4.a57>

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0009-4628-6386>

Abstract:

Dam Rong District (old) of Lam Dong Province before the merger, was one of the 61 poorest districts in the country; enjoyed special mechanisms for socio-economic development according to Resolution No.30a/2008/NQ-CP dated December 27, 2008 of the Government on the Program to support rapid and sustainable poverty reduction for 61 poor districts (Resolution No.30a). Ethnic minorities in Dam Rong District have been supported with jobs, production (seeds, fertilizers, crops, livestock, science and technology, pesticides, etc.), human resource training, infrastructure investment, etc. With special mechanisms lasting for decades, Dam Rong District has now been removed from the list of the poorest districts in the country; The number of poor households in Dam Rong district in 2024 is only 624, accounting for 4.27% of the district's population, the number of near-poor households is 1,077, accounting for 7.36% of the district's population. There are many reasons leading to multidimensional poverty of ethnic minorities in Dam Rong district, one of which is the influence of culture, customs and practices. In this article, the author will focus on clarifying this issue.

Keywords: *Multidimensional poverty; Ethnic minorities; Dam Rong district, Lam Dong province; Approach from culture, customs and practices.*

1. Đặt vấn đề

Huyện Đam Rông (cũ), thuộc tỉnh Lâm Đồng; gồm 8 xã là Phi Liêng, Đạ K'Nàng, Rô Men, Liêng Srônh, Đạ Rsal, Đạ M'Rông, Đạ Tông và Đạ Long. Theo Nghị quyết số 1671/NQ-UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lâm Đồng năm 2025, huyện Đam Rông không còn, các đơn vị hành chính cấp xã của huyện Đam Rông được sáp nhập thành các xã mới là: Đam Rông 1 (gồm 2 xã Phi Liêng, Đạ K'Nàng), xã Đam Rông 2 (gồm 2 xã Rô Men, Liêng Srônh), Đam Rông 3 (gồm 2 xã Đạ Rsal, Đạ M'Rông) và xã Đam Rông 4 (gồm 2 xã Đạ Tông, Đạ Long của huyện Đam Rông cũ và xã Đưng K'Nớ thuộc huyện Lạc Dương cũ). Hiện nay, địa giới hành chính, diện tích của các đơn vị hành

chính mới chưa được xác định, nên ở bài báo này, sẽ vẫn sử dụng các xã thuộc huyện Đam Rông (cũ). Theo đó, các số liệu được sử dụng trong bài viết này cũng là số liệu của các đơn vị hành chính cấp xã cũ của huyện Đam Rông khi chưa sáp nhập.

Các DTTS huyện Đam Rông cơ bản có thể chia làm hai nhóm: Nhóm dân tộc tại chỗ gốc Tây Nguyên (sau đây gọi là dân tộc tại chỗ), gồm 3 dân tộc tại chỗ của Lâm Đồng: K'ho, Mạ, Chu Ru và các dân tộc tại chỗ ở nơi khác: Ê đê, Gia Rai, M'nông, X'tiêng, Raglai...; Nhóm dân tộc di cư từ nơi khác đến, chủ yếu là từ các tỉnh miền núi phía Bắc (sau đây gọi là dân tộc di cư đến): Tày, Nùng, Mường, Thái, Mông, Dao... và một số dân tộc đến từ nơi khác: Khmer, Chăm, Bru - Vân Kiều...

Các DTTS ở Đam Rông cư trú ở các địa bàn có

điều kiện địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn gốc, lịch sử cư trú... khác nhau nên sẽ dẫn đến phong tục, tập quán khác nhau. Đây là một trong các yếu tố quan trọng tác động đến quá trình xóa đói, giảm nghèo ở vùng DTTS nói chung, Đam Rông nói riêng.

2. Khái niệm nghèo đa chiều

Nghèo đa chiều là cách tiếp cận đánh giá nghèo không chỉ dựa vào thu nhập, mà còn xem xét nhiều chiều cạnh thiết yếu của đời sống như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, tiếp cận thông tin, việc làm... Một người/hộ nghèo đa chiều khi họ thiếu hụt đồng thời ở nhiều chiều quan trọng. Nói đơn giản, nghèo không chỉ là “thiếu tiền”, mà là thiếu các điều kiện tối thiểu để sống một cuộc sống có chất lượng. Khái niệm này dựa trên mô hình của UNDP và Chỉ số nghèo đa chiều (Multidimensional Poverty Index - MPI).

2.1. Vì sao phải đo nghèo đa chiều?

Trước đây, nghèo thường được đánh giá dựa vào mức thu nhập. Tuy nhiên, có người thu nhập không quá thấp nhưng không được đi học, không có nước sạch, không có nhà ở đạt chuẩn → vẫn sống trong nghèo. Ngược lại, có người thu nhập thấp nhưng được tiếp cận y tế, giáo dục tốt → mức độ nghèo thấp hơn. Do đó, việc chỉ dựa vào thu nhập không phản ánh đầy đủ thực trạng thiếu hụt của người dân.

2.2. Các chiều đo lường nghèo đa chiều (MPI)

UNDP đề xuất ba nhóm chiều chính:

- Giáo dục:
 - + Số năm đi học (Years of schooling).
 - + Tình trạng đi học của trẻ em (School attendance).
- Y tế:
 - + Tình trạng dinh dưỡng.
 - + Tỷ lệ tử vong trẻ em.
- Mức sống:
 - + Điện.
 - + Nước sạch.
 - + Nhà vệ sinh.
 - + Nhà ở.
 - + Nhiên liệu nấu ăn.
 - + Tài sản cơ bản (xe, TV, điện thoại...).

Một hộ nghèo đa chiều khi tổng thiếu hụt $\geq 30\%$ theo các chỉ số trên.

2.3. Nghèo đa chiều tại Việt Nam

Việt Nam áp dụng chuẩn nghèo đa chiều từ năm 2016.

Giai đoạn 2022 - 2025, các chiều được sử dụng gồm:

- Thu nhập:

→ Dưới chuẩn quy định (khoảng 1,5 - 2 triệu đồng/người/tháng tùy khu vực)

- Thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (5 nhóm, 10 chỉ số):
+ Y tế (bảo hiểm y tế).

+ Giáo dục (trình độ học vấn, tình trạng đi học).

+ Nhà ở (chất lượng, diện tích).

+ Nước sạch & vệ sinh (nguồn nước, nhà vệ sinh).

+ Thông tin (khả năng tiếp cận thông tin).

Một hộ nghèo khi:

+ Hoặc thu nhập nghèo, hoặc

+ Thiếu hụt $\geq 3/10$ chỉ số, hoặc

+ Cả hai.

- Ưu điểm của cách tiếp cận nghèo đa chiều:

+ Phản ánh đầy đủ - chính xác tình trạng thiếu hụt.

+ Hỗ trợ xác định nguyên nhân nghèo (giáo dục? nhà ở? y tế?).

+ Giúp Nhà nước đưa ra chính sách đúng trọng tâm.

+ Theo dõi tiến bộ giảm nghèo cụ thể, chi tiết hơn.

- Ứng dụng trong nghiên cứu và chính sách:

+ Đánh giá chất lượng sống của một cộng đồng, địa phương, dân tộc.

+ Thiết kế chương trình giảm nghèo theo từng chiều thiếu hụt.

+ Theo dõi mục tiêu phát triển bền vững SDG 1 (No Poverty).

+ Phân tích nghèo của nhóm đặc thù: DTTS, vùng sâu, vùng xa, phụ nữ...

3. Hiện trạng nghèo đa chiều ở các DTTS huyện Đam Rông

3.1. Số liệu chung về nghèo đa chiều trong DTTS

Tính đến cuối năm 2023 (Cục Thống kê Lâm Đồng và Ban Dân tộc Lâm Đồng (2023), hiện trạng hộ nghèo, cận nghèo toàn tỉnh Lâm Đồng nói chung, huyện Đam Rông nói riêng như sau:

- Hộ nghèo: 3.912 hộ, chiếm tỷ lệ 1,09%. Trong đó, hộ nghèo DTTS 2.642 hộ, chiếm tỷ lệ 3,24% hộ DTTS toàn tỉnh. Riêng huyện Đam Rông có 624 hộ nghèo, chiếm 4,27% dân số toàn huyện; trong đó, hộ nghèo DTTS 579/8.510 hộ nghèo DTTS, chiếm 6,80% dân số toàn huyện.

- Hộ cận nghèo: Cả tỉnh còn 4.483/81.422 hộ cận nghèo DTTS, chiếm 5,51%; trong đó, huyện Đam Rông còn 962/8.510 hộ cận nghèo DTTS, chiếm 11,3% dân cư là người DTTS toàn huyện.

- Hộ nghèo đa chiều: Toàn tỉnh còn 7.215/81.422 hộ DTTS nghèo đa chiều, chiếm 8,75% dân cư DTTS; Riêng huyện Đam Rông có 1.541/8.510 hộ nghèo đa chiều, chiếm 18,11% dân số toàn huyện. Nhìn vào các số liệu trên cho thấy, số hộ nghèo DTTS ở huyện Đam Rông cao hơn gần 2,1 lần so với tỷ lệ hộ nghèo

chung toàn tỉnh; tương tự, tỷ lệ hộ cận nghèo và hộ nghèo đa chiều DTTS ở Đam Rông cũng cao hơn tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh lần lượt là 2,05 lần và 2,07 lần. Theo đó, Đam Rông là huyện có số hộ nghèo, cận nghèo, nghèo đa chiều cao nhất của tỉnh Lâm Đồng. Nhiều năm trước, Đam Rông là huyện khó khăn nhất và cũng là duy nhất của tỉnh Lâm Đồng là huyện nghèo, được hưởng cơ chế của huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a.

Theo phê duyệt của UBND tỉnh Lâm Đồng về diễn biến hộ nghèo chung (cả dân tộc Kinh và DTTS) năm 2023 của huyện Đam Rông (Cục Thống kê Lâm Đồng và Ban Dân tộc Lâm Đồng, 2023), trong tổng số 1.541 hộ nghèo đa chiều toàn huyện, số hộ cận nghèo thành nghèo 19 hộ, số hộ nghèo phát sinh mới 37 hộ/172 nhân khẩu. Diễn biến tăng số hộ cận nghèo năm 2023: số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo 1.050 hộ, tái cận nghèo 15 hộ, phát sinh hộ cận nghèo mới 223 hộ. Quan sát diễn biến trên cho thấy, hàng năm, tỷ lệ hộ tái nghèo, phát sinh hộ nghèo khá cao, đứng thứ 4 trong toàn tỉnh và đa số tập trung ở đồng bào DTTS. Cụ thể, hộ nghèo ở mỗi DTTS trên địa bàn huyện Đam Rông, theo Quyết định số 32/QĐ-UBND

như sau:

- Tổng số hộ nghèo DTTS toàn huyện 579 hộ/624 hộ DTTS, chiếm tỷ lệ 92,8% số hộ nghèo toàn huyện Đam Rông. Cụ thể, dân tộc K'ho (gồm K'ho + Cill) 268 hộ, M'nông 179 hộ, Tày 6 hộ, Nùng 01 hộ, Mường 0 hộ, Mông 89 hộ, Dao 15 hộ, Mạ 50 hộ. Số hộ nghèo ở nhóm dân tộc tại chỗ (K'ho, Mạ, M'nông) cao hơn số hộ nghèo ở các dân tộc di cư từ phía Bắc đến (Tày, Nùng, Thái, Mông). Trong nhóm dân tộc di cư từ nơi khác đến, dân tộc Mông có tỷ lệ hộ nghèo cao vượt trội so với các dân tộc di cư khác.

- Tổng số hộ cận nghèo phát sinh DTTS huyện Đam Rông 962/1.077 hộ DTTS, chiếm tỷ lệ 98,32% hộ DTTS toàn huyện. Cụ thể, dân tộc K'ho (gồm K'ho + Cill) 390 hộ, M'nông 269 hộ, Mạ 134 hộ, Tày 01 hộ, Nùng 5 hộ, Mường 2 hộ, Mông 135 hộ, Dao 21 hộ. Nhìn vào số liệu này, chúng ta dễ dàng nhận thấy, các DTTS tại chỗ (K'ho, M'nông, Mạ) có số lượng hộ cận nghèo phát sinh cao hơn rất nhiều so với các dân tộc di cư từ nơi khác đến, ngoại trừ dân tộc Mông. Chi tiết số lượng, tỷ lệ nghèo, cận nghèo DTTS của huyện Đam Rông được biểu thị ở bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo nhóm dân tộc ở huyện Đam Rông (2023)

TS nghèo, cận nghèo DTTS	DTTS tại chỗ						DTTS di cư từ nơi khác đến									
	K'ho		M'nông		Mạ		Tày		Nùng		Mường		Mông		Dao	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Hộ nghèo là người DTTS															
579	268	46,27	179	30,91	50	8,63	6		01	0,17	0	0	89	15,37	15	2,59
2	Hộ cận nghèo phát sinh là người DTTS															
962	391	40,64	269	27,96	134	13,93	1	0,1	5	0,52	2	0,2	135	14,0	21	2,18

3.2. Nghèo dịch vụ xã hội cơ bản của hộ DTTS (Cục Thống kê Lâm Đồng và Ban Dân tộc Lâm Đồng, 2023)

Căn cứ trên số liệu công bố của UBND tỉnh Lâm Đồng năm 2023 về phê duyệt hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, tổng số hộ nghèo đa chiều (gồm hộ nghèo và cận nghèo) của huyện Đam Rông 1.701 hộ (624 hộ nghèo, 1.077 hộ cận nghèo), trong đó 90,59% là hộ là người DTTS,

ứng với 1.541 hộ DTTS (579 hộ nghèo, chiếm 92,79% hộ nghèo toàn huyện; 962 hộ cận nghèo, chiếm 89,32% tổng số hộ nghèo toàn huyện). Theo đó, chúng tôi đã tính toán số liệu nghèo (thiếu hụt) các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo và cận nghèo DTTS ở Đam Rông, so với hộ nghèo, cận nghèo như bảng 2.

TT	Chi số dịch vụ xã hội	TS hộ nghèo		Tổng hộ nghèo DTTS		Tổng hộ cận nghèo		Tổng hộ cận nghèo DTTS	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Việc làm	124	19,8	115	19,87	128	11,88	114	11,88
2	Người phụ thuộc	287	45,99	266	45,99	318	29,53	284	29,53
3	Dinh dưỡng	127	20,3	118	20,35	130	12,07	116	12,07
4	Bảo hiểm y tế	188	30,13	174	30,13	313	29,06	280	29,06
5	Trình độ GD người lớn	172	27,56	160	27,56	265	24,61	237	24,60
6	Tình trạng đi học trẻ em	118	18,91	109	18,91	119	11,05	106	11,05
7	Chất lượng nhà ở	207	33,17	192	33,17	201	18,66	180	18,66
8	Diện tích nhà ở	323	51,76	300	51,76	361	33,52	322	33,52
9	Nguồn nước sinh hoạt	129	20,67	120	20,67	81	7,52	72	7,52
10	Nhà tiêu hợp vệ sinh	320	51,28	297	51,28	307	28,51	274	28,50
11	Sử dụng DV viễn thông	142	22,76	132	22,76	164	15,23	146	15,23
12	Phương tiện tiếp cận TT	149	23,88	138	23,88	185	17,18	165	17,18
	Chung	624	100	579	100	1.077	100	1.541	100

Theo bảng số liệu trên, đối với hộ nghèo DTTS, tỷ lệ thiếu hụt dịch vụ xã hội cao nhất là nhà ở, nhà tiêu hợp vệ sinh (51,28%), diện tích nhà ở (51,76%) là các yếu tố có thể liên quan đến phong tục, tập quán của các DTTS. Đó là không có thói quen xây dựng các công trình vệ sinh cách xa nhà, hoặc kín đáo. Các chỉ số thiếu hụt về giáo dục ở người lớn, trẻ em, sử dụng dịch vụ viễn thông, phương tiện tiếp cận thông tin tuy không ở mức cao, nhưng liên quan đến việc tiếp cận thông tin, nhận thức về kiến thức, kỹ năng lao động sản xuất ở các DTTS. Cụ thể, mức độ thiếu hụt trình độ giáo dục ở người lớn trong các hộ nghèo DTTS 27,56%, hộ cận nghèo DTTS 24,60%.

3.3. Nhận diện nguyên nhân nghèo đa chiều ở DTTS

Toàn huyện Đam Rông có 1.701 hộ gia đình nghèo, cận nghèo, trong đó có 1.541 hộ gia đình DTTS. Nguyên nhân nghèo đa chiều theo số liệu công bố của tỉnh Lâm Đồng năm 2024, gồm các nguyên nhân sau:

- Không có đất sản xuất: 177 hộ, chiếm tỷ lệ 10,40%.
- Không có vốn sản xuất, kinh doanh: 600 hộ, chiếm 35,27%.
- Không có lao động: 164 hộ, chiếm 9,64%.
- Không có công cụ/phương tiện sản xuất: 206 hộ, chiếm 12,11%.
- Không có kiến thức về sản xuất: 425 hộ, chiếm 24,98%.
- Không có kỹ năng lao động sản xuất: 489 hộ, chiếm 28,75%.

- Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...: 169 hộ, chiếm 9,93%.

- Nguyên nhân khác: 0.

- Trong rất nhiều nguyên nhân nghèo đa chiều, nguyên nhân cao nhất thuộc về không có vốn sản xuất, kinh doanh; tiếp đến là không có kiến thức về sản xuất và không có kỹ năng lao động sản xuất. Sự thiếu hụt kiến thức, kỹ năng về lao động sản xuất liên quan đến trình độ giáo dục, nhận thức, tiếp nhận và xử lý thông tin của đồng bào DTTS ở huyện Đam Rông.

4. Các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến nghèo đa chiều của DTTS ở huyện Đam Rông

Hiện nay, trên địa bàn Đam Rông có 29 DTTS. Mỗi dân tộc có truyền thống văn hóa khác nhau, tạo nên sắc thái riêng của mỗi cộng đồng. Tuy nhiên, không phải văn hóa nào của các DTTS cũng có những tác động tích cực đối với đời sống, mà còn có những hủ tục lạc hậu cần được thay đổi. Đối với đồng bào DTTS, do điều kiện giao thông đi lại khó khăn, nhận thức, trình độ giáo dục chưa cao nên bị những yếu tố níu kéo, cản trở như ma chay, cưới xin, lễ tết tốn kém, mất vệ sinh; hay du canh, du cư... Dưới đây, chúng tôi sẽ đề cập tới một số phong tục, tập quán có tác động, ảnh hưởng đến nghèo đa chiều trong đồng bào DTTS ở huyện Đam Rông.

4.1. Văn hóa mẫu hệ

Các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên nói chung, Lâm Đồng nói riêng thuộc nhóm ngôn ngữ Nam Đảo và Môn - Khmer. Hầu hết các dân tộc này đều theo chế

độ mẫu hệ như K'ho, M'ông, Chu Ru... Yếu tố "mẫu hệ" thể hiện trong đời sống cộng đồng rất rõ rệt trong một số phong tục như sau:

- Hôn nhân: Phụ nữ chủ động trong chuyện hôn nhân. Khi người con gái có tình cảm với một chàng trai nào đó, muốn cưới người đó làm chồng, sẽ về nói với cha mẹ chuẩn bị lễ vật đến gia đình nhà trai để "bắt chồng" (không phải là cưỡng bức, mà có sự đồng thuận trước của chàng trai); đồng thời, chuẩn bị đồ sính lễ cho nhà trai trong đám cưới. Bên nhà gái phải chuẩn bị nhiều lễ vật rất tốn kém cho việc cưới xin: trâu, bò, heo, váy, khố, vòng bạc... Trong các dân tộc phụ hệ, ví dụ người Kinh, Tày, Nùng... đàn ông sẽ là người chủ động trong hôn nhân, nên gọi là "cưới vợ".

- Đàn ông ở rể: Sau đám cưới, chú rể sẽ về ở bên nhà vợ. Gia đình vợ sẽ làm cho cặp vợ chồng mới một gian nối vào căn nhà dài của đại gia đình sinh sống (gồm nhiều cặp vợ chồng bố mẹ, con gái, cháu) gọi là "một bếp" = một gia đình nhỏ. Tuy nhiên, ranh giới giữa không gian sinh sống của mỗi gia đình nhỏ chỉ là những tấm rèm, hoặc vách nứa nên mối quan hệ giữa các gia đình tương đối gắn bó. Cửa cải làm chung sẽ được phân chia bởi người chủ đại gia đình là bà mẹ.

Hiện nay, những ngôi nhà dài của đại gia đình, trong đó gồm nhiều tiểu gia đình đã không còn. Hầu hết, các cặp vợ chồng khi kết hôn, gia đình cô gái sẽ chia cho họ một mảnh đất liền kề để làm nhà ở riêng độc lập.

- Trong xã hội cổ truyền, khi người đàn ông về sống bên nhà vợ, số phận họ cũng sẽ do nhà vợ định đoạt. Chẳng hạn, nếu không may người vợ qua đời trước, nhà vợ sẽ tìm cho người đàn ông một người phụ nữ khác trong gia đình để cưới làm vợ. Người thay thế có thể ngang tuổi, cũng có thể lớn hay nhỏ hơn nhiều tuổi. Trong trường hợp, người đàn ông không muốn kết hôn với người khác, sẽ được trả về gia đình họ, mà không được mang theo tài sản gì, ngoài đồ dùng cá nhân. Vì món đồ sính lễ nhà gái đã mang sang nhà trai, có thể ngầm hiểu đã "mua" người chồng ấy. Điều này cũng dẫn đến tâm lý của những người đàn ông trong gia đình thường ít năng động, thậm chí ỷ lại vào vợ, sa đà vào nhậu nhẹt...

Hiện nay, theo Luật Hôn nhân và Gia đình, vợ chồng có quyền bình đẳng đối với tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, trong gia đình, vai trò của người phụ nữ vẫn được coi trọng hơn.

- Họ: Con cái sinh ra sẽ mang họ mẹ, không mang họ cha.

- Thừa kế tài sản: Tài sản cũng được để lại thừa kế cho con gái; con trai không được thừa kế tài sản.

- Người vợ có quyền quyết định các vấn đề lớn trong gia đình, dù vẫn hỏi ý kiến người chồng. Do đó, người đàn ông trong gia đình "mẫu hệ" ít có tiếng nói.

Điều này, cũng dẫn đến người phụ nữ phải đảm nhận nhiều công việc hơn từ nội trợ, con cái đến nương rẫy. Dẫn đến hạn chế cơ hội giao lưu ngoài cộng đồng, không thông thạo tiếng phổ thông, tự ti, ngại giao tiếp, đặc biệt với người lạ từ nơi khác đến. Theo số liệu điều tra kinh tế - xã hội 53 DTTS năm 2019, tỷ lệ người DTTS không biết chữ phổ thông ở dân tộc thiểu số tại chỗ khá cao, có sự chênh lệch rõ giữa nam và nữ: K'ho: 27,0% - 39,7%; M'ông: 21,6% - 30,5%. So sánh với các dân tộc thiểu số tại chỗ khác theo chế độ mẫu hệ ở Tây Nguyên như Ê đê, Gia Rai, Xơ Đăng... cũng sẽ thấy tương tự.

4.2. Thói quen chăn, thả rông gia súc, gia cầm

Các DTTS nói chung vốn sinh sống trong không gian rộng lớn, chăn nuôi dựa vào tự nhiên, nên hầu hết người dân không có thói quen nuôi nhốt gia súc, gia cầm trong chuồng trại, mà thả rông ngoài tự nhiên. Theo số liệu điều tra năm 2019, tỷ lệ hộ gia đình có nuôi nhốt gia súc, gia cầm rất thấp, cụ thể: Dân tộc Tày: 25,9%; Nùng: 23,0%; Mông: 6,3%; Dao: 3,8%, K'ho: 8,4%, M'ông: 39,4%; Mạ: 12,2%. Việc thả rông gia súc, gia cầm khiến môi trường sống, nguồn nước bị ô nhiễm bởi gia súc, gia cầm phóng uế bừa bãi. Mặt khác, người dân cũng không thể tận dụng được chất thải từ gia súc, gia cầm để làm phân bón cho cây trồng. Đây cũng là vấn đề xuất phát từ phong tục tày hàng ngàn đời nay trong cộng đồng, nên năng suất cây trồng thấp so với năng suất cây trồng trên những ruộng, rẫy của người Kinh ở cùng địa bàn.

4.3. Kết hôn sớm (Tảo hôn)

Theo số liệu điều tra 53 DTTS của tỉnh Lâm Đồng năm 2019, trên địa bàn huyện Đam Rông, trong tổng số 9.582 người có gia đình, có 2.802 người tảo hôn, chiếm 29,24%. Cụ thể: Tày: 8/157 người, chiếm 5,09%; Thái: 11/64 người, chiếm 17,19%; Nùng: 48/261 người, chiếm 18,39%; Mông: 699/1.286 người, chiếm 54,35%; Dao: 128/372 người, chiếm 34,40%; K'ho: 849/3.889 người, chiếm 21,83%; M'ông: 683/2.243 người, chiếm 30,45%; Mạ: 347/1.031 người, chiếm 33,66%.

Theo khoa học, nữ giới đủ 18 tuổi trở lên và nam đủ 20 tuổi trở lên tâm sinh lý mới phát triển, đủ điều kiện để làm cha, mẹ. Nhưng hiện nay, ở nhiều DTTS tỷ lệ tảo hôn vẫn còn khá cao như dân tộc Mông (54,35%), Dao (34,4%), Mạ (33,66%)... Đặc biệt, tỷ lệ tảo hôn độ tuổi 12 - 15 ở dân tộc Mông diễn ra khá nhiều. Không khó để bắt gặp ở những địa bàn cư trú của dân tộc Mông, những đứa trẻ đang ở độ tuổi đến trường, nhưng đã là mẹ của 2 - 3 đứa trẻ. Phải làm cha mẹ quá sớm, điều này ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo ở dân tộc Mông, Dao cao hơn các dân tộc khác di cư ở Đam Rông.

4.4. Sinh đẻ nhiều, sức khỏe sinh sản không được chăm sóc

Trong toàn tỉnh Lâm Đồng, theo số liệu điều tra DTTS năm 2019, mức sinh của phụ nữ DTTS nói chung: Tày: 2,43 con/phụ nữ; Thái: 2,27 con/người; Mường: 2,15 con/phụ nữ; Nùng: 2,13 con/phụ nữ; Mông: 3,57 con/phụ nữ; Dao: 2,35 con/phụ nữ; Cơ ho: 2,74 con/phụ nữ; M'Nông: 3,16 con/phụ nữ; Mạ: 2,96 con/phụ nữ. Không sử dụng biện pháp tránh thai ở phụ nữ DTTS từ 15 - 49 tuổi của tỉnh Lâm Đồng là 38.609/85.930 người, ứng với 44,9%. Điều này dẫn đến nhiều trường hợp có thai ngoài ý muốn, ảnh hưởng đến sức khỏe, năng suất lao động, chất lượng cuộc sống.

4.5. Không thành thạo tiếng phổ thông

Đặc thù của chế độ mẫu hệ, phụ nữ phải gánh vác nhiều vai trò quan trọng trong gia đình; bên cạnh đó, vẫn phải thực hiện thiên chức làm mẹ như nhiều phụ nữ khác. Do đó, thời gian để người phụ nữ có điều kiện giao lưu, tiếp xúc ngoài cộng đồng hạn chế. Dẫn đến, nhiều phụ nữ dân tộc tại chỗ không nói thạo tiếng phổ thông (tiếng Kinh). Một vài con số từ cuộc điều tra 53 DTTS năm 2019 sẽ cho thấy rõ: Tỷ lệ không biết tiếng, chữ phổ thông chung nam - nữ DTTS là: 12,1% - 22,5%. Cụ thể: Tày: 4,4% - 6,3%; Thái: 7,0% - 15,8%; Mường: 2,6% - 4,7%; Nùng: 6,5% - 9,1%; Mông: 21,9% - 53,9%; Dao: 4,3% - 7,1%; Cơ ho: 27,0% - 39,7%; M'Nông: 21,6% - 30,5%, Mạ: 35,7% - 19,1%. Những con số cao nhất không thông thạo tiếng nói, chữ viết phổ thông cũng lại thuộc về phụ nữ Mông, M'Nông, K'ho, Mạ. Các dân tộc di cư đến từ phía Bắc như Tày, Nùng, Mường, Thái tỷ lệ thấp hơn rất nhiều. Xét khả năng không thông thạo tiếng phổ thông ở nam giới, dân tộc tại chỗ có tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với nam giới dân tộc di cư.

Khi không thạo tiếng phổ thông, sẽ dẫn đến ngại giao tiếp, hạn chế khả năng đọc sách, báo; hạn chế khả năng tiếp thu thông tin từ phương tiện nghe, nhìn; hạn chế khả năng tự mình tìm kiếm thông tin trên mạng Internet phục vụ cho đời sống. Việc tiếp thu kiến thức, kỹ năng về sản xuất, kinh doanh từ các lớp tập huấn, bồi dưỡng của rất nhiều chương trình, dự án từ trung ương xuống đến địa phương cũng có hiệu quả không cao. Khi trình độ hạn chế, tất yếu người DTTS sẽ phải làm thuê, làm những công việc tay chân, thu nhập thấp, bấp bênh. Việc làm khó khăn hơn, không ổn định, thu nhập không cao, lao động chủ yếu giản đơn, tập trung ở nông nghiệp... là nguyên nhân dẫn đến nghèo đa chiều ở các DTTS Đam Rông. Trình độ giáo dục thấp cũng kéo theo nhiều hệ lụy khác như không biết tính toán chi tiêu trong gia đình hợp lý; khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào lao động sản xuất khó khăn; năng lực tự thoát nghèo hạn chế...

4.6. Hủ tục cưới xin, ma chay, tế lễ

Sinh sống trên những địa bàn núi cao, rừng sâu, thú dữ rình rập, con người trở nên nhỏ bé, yếu đuối, sợ hãi trước tự nhiên. Để sinh tồn, người dân có nhu cầu

cộng đồng để cùng nhau phát nương, làm rẫy, đánh bắt cá, săn bắn, chông kẻ thù... Họ cũng tin vào sức mạnh của lực lượng siêu nhiên đối với đời sống con người. Do đó, mỗi khi gia đình, buôn làng có người đau ốm, bệnh tật, cộng đồng, gia đình sẽ bày biện lễ cúng tế bằng nhiều trâu, bò, dê, gà, heo... vô cùng tốn kém. Khi gia đình có tang ma, cưới xin... cộng đồng cùng chung tay giúp đỡ, để bày tỏ tấm lòng, chủ nhà sẽ thịt heo, bò, trâu kéo dài nhiều ngày đêm, thậm chí hàng tuần mời dân làng đến chia buồn, chia vui với gia chủ... Một năm, mỗi gia đình, cộng đồng có nhiều nghi lễ chung, gia đình rất tốn kém. Nhiều gia đình không có tiền phải đi vay mượn để làm lễ, dẫn đến nợ nần chồng chất, từ đời này sang đời khác.

Những hủ tục kéo dài đã khiến cho đời sống của đồng bào DTTS đã khó khăn càng khó khăn hơn. Ở Đam Rông, trong những vùng sâu, vài năm trước đây những hủ tục nặng nề vẫn còn. Được chính quyền địa phương vận động nên hủ tục ma chay, cưới xin, lễ tết đã giảm, được tổ chức theo nếp sống mới. Tuy nhiên, những hủ tục trên vẫn đang gây ra hệ lụy trả nợ, không đất sản xuất (do đã bán, gán nợ) trong đồng bào DTTS hiện nay. Với nông dân, không có tư liệu sản xuất, chỉ làm thuê theo mùa vụ nên đói nghèo dai dẳng.

4.7. Di cư tự phát

Hiện nay, ở Đam Rông, dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Thái, Mường... là những dân tộc di cư từ các khu vực miền núi phía Bắc đến. Khi vào Đam Rông, họ mới bắt đầu làm lại từ đầu, làm quen với môi trường sống mới, đất đai, thổ nhưỡng, cây trồng mới... nên gặp nhiều khó khăn. Đến nay, đời sống của đa số dân tộc di cư đến đã ổn định; tỷ lệ nghèo, cận nghèo ở dân tộc này nhìn chung thấp hơn nhiều so với dân tộc tại chỗ. Riêng với dân tộc Mông, không phải đã định canh, định cư ổn định tại Đam Rông ngay từ khi mới từ miền núi phía Bắc vào. Dân tộc Mông thường có thói quen du canh, du cư. Khi đất đai, mùa màng không thuận, dân tộc Mông có thể mang theo cả gia đình, dòng họ, thậm chí cả làng, cả bản đến địa phương khác.

Trên đây là những tác động, ảnh hưởng của văn hóa, phong tục, tập quán của các DTTS dẫn đến đói nghèo của DTTS ở huyện Đam Rông, cần có những giải pháp phù hợp đối với văn hóa, phong tục của mỗi dân tộc khi thực hiện chính sách giảm nghèo.

5. Một số giải pháp

5.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng viễn thông ở vùng DTTS

Trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay; kết nối giao thương, tìm kiếm thông tin về lao động, việc làm, khoa học kỹ thuật trên Internet, thương mại điện tử đang ngày càng phát triển và đã chứng tỏ được sự hữu hiệu trong đời sống con người. Do vậy, việc đầu tư, hoàn thiện, phủ sóng cơ sở hạ tầng viễn thông đến tận các thôn buôn cần được quan

tâm, hỗ trợ người dân thuận lợi hơn trong mọi mặt của đời sống, trong đó có tiếp cận thông tin, quảng bá nông sản - sản vật địa phương, tiếp cận thị trường... một cách nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, tiền bạc nhất.

5.2. Hỗ trợ thiết lập mạng lưới xã hội cho đồng bào DTTS nghèo

Vốn xã hội là các nguồn lực xã hội mà con người sử dụng để theo đuổi các mục tiêu sinh kế, bao gồm: quan hệ con người trong và ngoài cộng đồng, các mạng lưới hỗ trợ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho cá nhân, gia đình, cộng đồng; thiết lập các nhóm cùng mục tiêu, mạng lưới trao đổi cung cấp các mạng an ninh phi chính thức (luong thực, thông tin...). Ở các phần trên, bằng các số liệu cụ thể đã cho thấy sự khó khăn của người dân trong tiếp cận chính sách, tiếp cận thị trường, tìm kiếm các thông tin cần thiết để phục vụ cho đời sống. Do đó, chúng tôi cho rằng, các thiết chế thôn bản truyền thống và chính quyền cấp cơ sở cần quan tâm hỗ trợ người dân hình thành, phát triển mạng lưới xã hội của cá nhân, gia đình phục vụ cho mục tiêu sinh kế.

5.3. Phát triển vốn con người cho hộ DTTS nghèo

Trí lực, thể lực và tâm lực là ba mặt làm nên vốn con người. Chất lượng nhân lực cao hay thấp, vốn con người phong phú hay nghèo nàn là phụ thuộc vào trí lực, thể lực, tâm lực. Do đó, để phát triển vốn con người, các giải pháp đề xuất là:

Về chăm sóc sức khỏe: Cần tuyên truyền sâu rộng

hơn đến đồng bào DTTS để hạn chế những phong tục tập quán lạc hậu gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người (tảo hôn, kết hôn sớm, hôn nhân cận huyết thống, sinh đẻ nhiều, đẻ dày, sinh đẻ tại nhà không đến các cơ sở y tế...).

Nâng cao trình độ giáo dục, nghề nghiệp, kiến thức, kỹ năng cho người lao động DTTS: Số liệu khảo sát được công bố những năm gần đây tại Đam Rông cho thấy, nguyên nhân đói nghèo, cuộc sống khó khăn do thiếu vốn, thiếu đất sản xuất. Thực tế, hàng chục năm qua, Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ, cho vay ưu đãi và nhiều gia đình đã được vay. Điều này cho thấy, tài chính và đất đai là những yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế gia đình, nhưng không phải là quan trọng nhất nếu người dân không biết cách sử dụng, quản lý các nguồn lực này cho tốt. Tức là, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm lao động sản xuất của hộ gia đình DTTS nghèo còn có nhiều "lỗ hổng", cần được lấp đầy. Trong bối cảnh đất đai sản xuất ngày càng thu hẹp, sức cạnh tranh trên thị trường nông sản lớn, việc nâng cao vốn con người là rất quan trọng.

Trên đây là các giải pháp giảm nghèo đa chiều cho cộng đồng các DTTS ở huyện Đam Rông, phù hợp với văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng DTTS, đòi hỏi sự vào cuộc có trách nhiệm của các cấp chính quyền, cơ quan ban, ngành ở tỉnh mới có thể thực hiện được, dù cơ bản là không mới nhưng cần quyết tâm và kỹ năng chuyên sâu ở cán bộ, công chức.

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê Lâm Đồng và Ban Dân tộc Lâm Đồng (2023). *Điều tra thu thập thông tin kinh tế - xã hội 53 DTTS*.

Nguyễn,T.B.T.(Chủ nhiệm) (2014). *Những yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cán bộ nữ DTTS tại chỗ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo khu vực hành chính công ở Tây Nguyên*. Bộ Ngoại giao và UNDP tài trợ.

Nguyễn,T.B.T.(Chủ nhiệm) (2019). *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030*. Đề tài KH&CN cấp tỉnh, Học viện Dân tộc.

Tổng cục Thống kê (2019). *Điều tra dân số, nhà ở năm 2019*.

NGHÈO ĐA CHIỀU TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ
Ở HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG:
TIẾP CẬN TỪ VĂN HÓA, PHONG TỤC, TẬP QUÁN

Nguyễn Thị Bích Thu

Học viện Dân tộc, Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Email: Thutvcs@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 06/9/2025
Ngày phản biện: 29/9/2025
Ngày tác giả sửa: 04/10/2025
Ngày duyệt đăng: 22/11/2025
Ngày phát hành: 30/12/2025

DOI:

<https://doi.org/10.64223/tvj.e2025.v1.i4.a57>

ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0009-4628-6386>

Tóm tắt:

Huyện Đam Rông (cũ) thuộc tỉnh Lâm Đồng khi chưa sáp nhập, vốn là một trong 61 huyện nghèo nhất cả nước; được hưởng cơ chế đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (Nghị quyết số 30a). Đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) ở huyện Đam Rông, đã được hỗ trợ việc làm, hỗ trợ sản xuất (giống, phân bón, cây trồng, vật nuôi, khoa học kỹ thuật, thuốc bảo vệ thực vật...), đào tạo nhân lực, đầu tư cơ sở hạ tầng... Với những cơ chế đặc thù kéo dài hàng chục năm, đến nay huyện Đam Rông đã được đưa ra khỏi danh sách các huyện nghèo nhất nước; số hộ nghèo ở huyện Đam Rông năm 2024 chỉ còn 624 hộ chiếm 4,27% dân số toàn huyện, số hộ cận nghèo là 1.077 hộ, chiếm 7,36% dân số toàn huyện. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến nghèo đa chiều của các DTTS ở huyện Đam Rông, một trong số đó là do ảnh hưởng của văn hóa, phong tục, tập quán. Trong bài viết, tác giả sẽ tập trung làm rõ vấn đề này.

Từ khóa: Nghèo đa chiều; Đồng bào dân tộc thiểu số; Huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Tiếp cận từ văn hóa, phong tục, tập quán.